

Thứ ba, ngày 20 tháng 2 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng hơn 5 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/2/2024		●	
Tuần 19/02 - 23/02/2024		●	
Tháng 2/2024		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một ngày giằng co, VN-Index kết phiên tại mốc 1,230.06 điểm, tăng hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng hôm nay, theo sau là ngành Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, thanh khoản vẫn đang ủng hộ VN-Index tiến về ngưỡng kháng cự 1,250. Tuy nhiên, đà tăng của chỉ số đang khá dốc và có thể chứng lại trong vài phiên tiếp theo để tích lũy thêm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà tăng của VN30, ngoại trừ VN30F2404 và VN30F2403. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/2/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+5.09** điểm, đóng cửa **1230.06** điểm. HNX-Index **+0.13** điểm, đóng cửa **233.5** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.53)**, **VIC (+1.45)**, **GVR (+1.45)**, **VRE (+0.86)**, **VHM (+0.65)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.39)**, **VPB (-0.39)**, **CTG (-0.26)**, **FPT (-0.22)**, **VNM (-0.21)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18934** tỷ đồng, giảm **-17.23%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **21121** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **7.81** điểm. Thị trường có **245** mã tăng, **95** mã tham chiếu, **231** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **135.28** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSB(232.89 tỷ)**, **VIX(145.76 tỷ)**, **VHM(119.48 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **6.02** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.40%**. Các mã diễn biến tích cực: **VRE (+6.03%)**, **GVR (+5.22%)**, **DGC (+2.17%)**
- BSC50 **+0.08%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTD (+3.77%)**, **VSC (+3.39%)**, **GEG (+3.01%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Hóa chất	3.08%	Ô tô và phụ tùng	-0.26%
Bất động sản	1.54%	Điện, nước & xăng	-0.31%
Y tế	1.21%	Bán lẻ	-0.34%
Xây dựng và Vật liệu	0.86%	Dầu khí	-0.35%
Dịch vụ tài chính	0.72%	Công nghệ Thông tin	-0.64%
Truyền thông	0.66%	Du lịch và Giải trí	-0.67%
Hàng & Dịch vụ Công	0.53%	Bảo hiểm	-0.82%
Ngân hàng	0.15%		
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.00%	VNSML	0.46%
Tài nguyên Cơ bản	-0.06%	VNMID	0.14%
Thực phẩm và đồ uống	-0.21%	VN30	0.12%

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1230.06**

Giá trị: 18934.4 tỷ **5.09 (0.42%)**

Khối ngoại (ròng): 135.28 tỷ

HNX-INDEX **233.50**

Giá trị: 1729.11 tỷ **0.13 (0.05%)**

Khối ngoại (ròng): 6.02 tỷ

UPCOM-INDEX **90.53**

Giá trị: 518.9 tỷ **0.07 (0.08%)**

Khối ngoại (ròng): 29.2 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	79.3	0.08%
Giá vàng	2,018	0.24%
Tỷ giá USD/VND	24,540	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,435	-0.01%
Tỷ giá JPY/VND	163.25	-0.02%
LS liên NH 1 tháng	0.81%	
LS TPCP 5 năm	1.37%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSB	232.89	MWG	-86.17
VIX	145.76	STB	-84.88
VHM	119.48	VPB	-74.67
VRE	114.57	CII	-74.33
VIC	112.32	GEX	-63.14

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Danh mục BSC30	Trang 2
Danh mục BSC50	Trang 3
Báo cáo mới nhất	Trang 4
Khuyến cáo sử dụng	Trang 5

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 20/02/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	79.25	0.08%	3.03%	6.01%	2.61%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.78	-0.83%	0.95%	3.39%	-0.60%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.31	-0.93%	-2.24%	2.36%	-11.49%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	1.56	-3.19%	-11.90%	-26.70%	-30.41%		
TTF Gas	EUR/MWh	23.70	-4.50%	-7.87%	-13.06%	-52.47%		
Vàng	Ounce	2,017.98	0.24%	-0.09%	-0.15%	9.60%		PNJ
Bạc	Ounce	22.97	-1.84%	1.24%	4.03%	5.67%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,171.50	-0.06%	-1.80%	-4.31%	-23.18%	DBC, QNS	PNJ, HKB
Sữa	Cwt	16.17	-0.06%	0.25%	6.66%	-9.66%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	154.60	0.19%	1.18%	0.52%	10.98%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	23.08	1.14%	-3.91%	3.27%	7.80%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, QNS
Ure	USD/T	404.00	0.12%	-0.25%	12.22%	3.32%		DPM, DCM
Niken	LB	16,113.00	0.66%	2.84%	1.73%	-36.99%		PC1
Đồng	LB	3.80	-0.86%	2.29%	1.09%	-9.07%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,350.00	-0.84%	-0.84%	-3.69%	-14.86%		CSV
Thép	CNY/ton	3,891.00	-0.26%	0.00%	0.39%	-6.56%		HPG
Nhôm	Ton	2,198.00	-0.90%	-1.30%	1.81%	-10.56%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 20/02, dầu thô Brent giảm 0.66 USD hay 0.83% xuống 82.78 USD/thùng, dầu WTI tăng 0.50 USD hay 0.08% lên 79.25 USD/thùng.
- Giá dầu tăng do lo ngại căng thẳng ở Trung Đông và xung đột Nga – Ukraine tiếp diễn có thể hạn chế nguồn cung dầu toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.24% lên 2,017.98 USD/ounce sau khi xuống mức thấp nhất kể từ ngày 25/1 trong đầu phiên này. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 4 đóng cửa giảm 0.5% xuống 2042.9 USD/ounce.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong hơn một tuần bởi USD và lợi suất trái phiếu mạnh lên sau một báo cáo việc làm mạnh mẽ của Mỹ và nhận xét từ các quan chức Fed làm tiêu tan dự đoán về việc cắt giảm lãi suất sớm.

Quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc đóng cửa giảm 0.63% xuống 943 CNY (131.02 USD)/tấn. Quặng sắt kỳ hạn tháng 3 tại Singapore tăng 0.33% lên 126.7 USD/tấn, xóa đi một phần mức tăng trước đó.
- Giá quặng sắt Đại Liên giảm trong bối cảnh tồn kho ở cảng cao và lo lắng kéo dài về bất động sản tại Trung Quốc trong khi quặng sắt tại Singapore phục hồi nhẹ.

Giá hàng hóa khác

- Đường thô kỳ hạn tháng 3 đóng cửa giảm 0.36 US cent hay 1.5% xuống 23.53 US cent/lb. Các đại lý cho biết thị trường suy yếu do giá không vượt ngưỡng 24 US cent ngoài ra chiều hướng của giá không rõ ràng.
- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 đóng cửa giảm 49 USD hay 1.5% xuống 3,188 USD/tấn. Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 giảm 1.3% xuống 1.895 USD/lb.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	91.3	1.2%	0.6	20,819	5.2	6,013	15.2	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.4	0.2%	0.9	11,489	3.2	3,887	12.7	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	-1.0%	1.1	6,344	13.0	1,532	12.8	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	38.9	0.0%	1.1	5,591	8.6	5,111	7.6	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.8	-0.4%	1.1	5,074	19.8	3,668	6.5	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.7	0.0%	1.0	2,361	20.2	3,825	8.0	31,200	22.5%	Link
GVR	BDS KCN	28.2	5.2%	1.5	4,602	6.3	583	48.4	19,100	0.3%	Link
KBC	BDS KCN	32.0	0.0%	1.7	1,001	7.1	1,880	17.0	42,500	20.8%	Link
IDC	BDS KCN	55.8	-0.9%	1.1	751	3.4	3,177	17.6	45,900	17.6%	Link
VGC	BDS KCN	52.9	0.0%	1.3	968	1.3	3,078	17.2	-	5.4%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	29.2	0.0%	1.3	6,927	25.5	322	90.8	23,300	24.5%	Link
VHM	Bất động sản	46.2	1.3%	1.3	8,199	24.3	9,468	4.9	79,900	22.4%	Link
VRE	BDS	25.5	6.0%	1.2	2,364	26.2	1,818	14.0	38,900	31.0%	Link
KDH	BDS	31.7	1.3%	1.5	1,034	3.0	1,079	29.4	44,100	38.0%	Link
NLG	BDS	39.0	0.5%	1.4	612	3.0	1,257	31.0	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	98.7	2.2%	1.5	1,529	18.5	8,146	12.1	85,000	18.9%	Link
DPM	Phân bón	34.8	-0.6%	1.3	555	2.5	4,017	8.6	41,000	10.0%	Link
DCM	Phân bón	34.2	-0.1%	1.5	740	5.6	2,091	16.4	36,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	78.6	-0.9%	0.8	7,365	3.2	5,283	14.9	110,500	2.6%	Link
PLX	Dầu khí	36.1	-0.4%	1.0	1,871	1.4	2,628	13.7	45,000	17.1%	Link
PVS	Dầu khí	37.3	0.3%	0.8	727	8.0	1,846	20.2	38,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	28.7	-0.2%	1.1	651	3.8	780	36.8	29,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.9	-0.8%	0.8	1,137	3.7	609	19.5	14,500	4.0%	Link
VNM	F&B	71.5	-0.6%	0.8	6,097	12.8	4,027	17.8	81,700	53.9%	Link
MSN	F&B	68.8	-0.1%	1.7	4,016	9.5	570	120.7	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	46.8	0.0%	1.6	2,792	15.0	476	98.3	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	88.7	0.0%	0.5	1,211	2.7	5,506	16.1	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	64.1	-1.4%	0.9	587	2.7	4,793	13.4	90,900	32.2%	Link
GMD	Logistics	72.0	1.8%	0.9	899	4.4	7,504	9.6	57,000	48.2%	Link
FPT	Công nghệ	104.3	-0.7%	0.7	5,404	7.8	5,095	20.5	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	35.2	-0.6%	1.1	7,712	9.8	3,773	9.3	1.4	27.1%	16.1%
ACB	Ngân hàng	27.6	-0.5%	0.8	4,366	8.2	4,131	6.7	1.5	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	23.6	1.1%	0.8	2,785	6.6	2,926	8.1	1.7	19.6%	23.2%
LPB	Ngân hàng	17.8	0.3%	0.8	1,852	1.3	2,179	8.1	1.3	2.6%	15.9%
VIB	Ngân hàng	22.2	0.9%	1.2	2,298	6.1	3,375	6.6	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	23.0	0.2%	1.6	1,143	21.0	1,662	13.8	1.7	22.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	18.8	-0.3%	1.0	1,684	7.1	2,027	9.2	1.3	29.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	35.3	0.3%	1.2	2,159	26.1	1,342	26.3	2.4	43.2%	9.0%
CII	Xây dựng	19.2	-1.3%	1.7	249	11.9	368	52.1	-4.8	6.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.9	0.8%	1.5	0	0.6	458	26.0	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	68.8	3.8%	0.9	280	11.6	1,388	49.6	0.8	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.8	-0.6%	1.3	264	4.7	1,004	15.7	0.7	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	13.2	1.1%	1.4	102	3.2	456	29.1	1.0	2.1%	3.8%
BCM	KCN	63.8	-0.8%	0.9	2,694	1.4	432	147.8	3.9	2.1%	1.7%
HUT	KCN	19.4	1.0%	1.6	706	3.7	54	361.0	1.9	1.6%	1.3%
PHR	KCN	56.0	-0.4%	1.1	310	1.2	4,592	12.2	2.1	15.8%	26.9%
SZC	KCN	41.4	-0.8%	1.5	304	2.3	1,827	22.7	2.9	3.2%	10.9%
HSG	Vật liệu	23.0	-1.1%	1.7	579	8.1	1,321	17.5	1.3	22.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.6	1.1%	1.4	212	0.3	44	306.7	1.1	3.1%	1.3%
NKG	Vật liệu	24.3	-0.6%	1.6	261	6.1	(974)	-24.9	1.3	16.0%	13.5%
PTB	Vật liệu	54.7	-0.5%	0.5	149	0.1	4,721	11.6	1.4	20.9%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.8	-0.8%	1.6	80	1.6	1,210	21.3	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	17.6	0.0%	2.0	1,396	26.0	(309)	-56.8	0.9	3.5%	1.9%
DXG	BDS	19.0	0.8%	2.0	557	10.9	(456)	-41.5	1.3	20.0%	3.4%
HDC	BDS	31.8	1.8%	1.4	176	4.7	1,898	16.8	2.3	1.3%	16.9%
DIG	BDS	27.5	-0.4%	1.8	684	17.9	182	151.3	2.2	5.2%	1.1%
IJC	BDS	14.9	-1.3%	1.4	153	1.7	1,569	9.5	1.0	5.9%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.7	-1.5%	1.2	0	4.2	2,493	7.9	1.1	0.8%	9.7%
PVT	Dầu khí	27.2	-1.6%	0.8	358	4.0	2,926	9.3	1.3	12.3%	16.4%
PLC	Vật liệu	32.9	1.5%	1.2	108	0.3	1,287	25.6	2.1	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	31.6	-0.2%	0.8	153	1.5	2,086	15.2	2.0	13.6%	13.5%
REE	Tiện ích	58.8	-0.7%	0.8	980	1.5	5,879	10.0	1.4	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	22.5	1.1%	2.0	782	20.7	511	44.1	1.6	12.6%	5.4%
NT2	Tiện ích	26.6	0.0%	0.9	312	1.3	1,718	15.5	1.8	13.4%	16.2%
HDG	Bất động sản	26.8	-1.1%	1.2	334	2.7	2,194	12.2	1.5	22.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	28.8	0.7%	1.3	365	8.9	936	30.8	1.9	8.5%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.7	3.0%	0.8	191	0.7	308	44.4	1.1	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.5	-0.4%	1.8	185	1.8	(118)	-72.5	0.6	1.7%	0.3%
SAB	F&B	58.6	1.2%	0.9	3,066	3.9	3,286	17.8	3.1	61.7%	18.7%
QNS	F&B	48.0	0.2%	0.6	0	1.4	6,134	7.8	2.0	15.5%	24.3%
FRT	Bán lẻ	122.6	-0.7%	0.7	682	2.7	(1,103)	-111.2	10.8	36.2%	11.8%
DGW	Bán lẻ	56.2	-1.9%	1.5	383	5.0	2,517	22.3	3.7	23.4%	21.9%
DBC	F&B	29.7	-1.0%	1.5	293	12.6	(250)	-118.6	1.5	4.5%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.7	0.0%	1.3	112	0.5	735	35.0	1.5	1.0%	5.7%
BAF	F&B	25.1	0.0%	0.3	147	1.6	139	180.5	2.1	0.3%	10.2%
ANV	Thủy sản	31.1	-0.8%	1.3	169	1.2	314	98.9	1.7	3.0%	10.0%
VSC	Logistics	22.9	3.4%	1.2	249	5.7	1,010	22.7	1.1	2.5%	7.9%
HAH	Logistics	41.4	0.1%	1.5	178	4.8	4,676	8.8	1.7	3.9%	24.6%
CTR	Công nghệ	97.0	-0.5%	0.9	453	0.7	4,346	22.3	6.2	10.1%	32.1%
TNG	Dệt may	20.8	0.0%	1.0	96	1.5	2,030	10.2	1.5	18.6%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2024	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639